

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phương

2. Ông La Văn Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mộng C – SN: 1995

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ – SN: 1985

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện X, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Mộng C tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Quảng Nam vào ngày 13/01/2015. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã, anh Đ thường hay ghen tuông đánh đập chị C. Chị và anh Đ không sống chung từ năm 2018 đến nay, cả hai không liên lạc

với nhau nên không còn tình cảm, hiện nay anh Đ đi đâu, làm gì chị C không biết. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đ để ổn D cuộc sống.

- Về con chung: Chị C và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Văn D – Sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Kim N – Sinh ngày 18/3/2017. Nguyên vọng của chị C là trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình xây dựng hồ sơ, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn Đ để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt. Chị C cũng đã làm các thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với anh Đ nhưng anh Đ vẫn không trở về. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để anh Đ tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy D của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Mộng C.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao hai cháu Nguyễn Văn D – Sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Kim N – Sinh ngày 18/3/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận D:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Mộng C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện X, tỉnh Phú Yên theo quy D tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

TAND huyện X, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Văn Đ nhưng hết thời hạn thông báo anh Đ vẫn không trở về. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo về phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết D đưa vụ án ra xét xử, quyết D hoãn phiên tòa đối với anh Đ theo quy D tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng C và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Quảng Nam vào ngày 13/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Anh chị sống chung với nhau khoảng 04 năm, trong quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Đ hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị C rồi bỏ đi trong năm 2018, sau đó thì không liên lạc với chị nữa. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh Đ đăng ký hộ khẩu (Ông Võ Nhật Đông – Công an xã L) và Công an xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Nam cung cấp thì anh Đ không có mặt tại địa phương, hiện nay anh Đ đi đâu, làm gì địa phương không biết, tại phiên tòa, chị C yêu cầu xin được ly hôn anh Đ. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Đ không còn, anh Đ không quan tâm đến đời sống của chị C cũng như các con của mình, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3]. Về con chung: Chị C và anh Đ có 02 con chung: Nguyễn Văn D – Sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Kim N – Sinh ngày 18/3/2017. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cả hai cháu D và N hiện tại do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C có việc làm, thu nhập ổn D, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Chị C có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy D tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy D về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mộng C.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Văn D – Sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Kim N – Sinh ngày 18/3/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy D về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Mộng C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/0011300 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Mộng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã L;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VĂN LONG

LA VĂN HẰNG
PHƯƠNG

TRẦN THỊ